



25/12/20

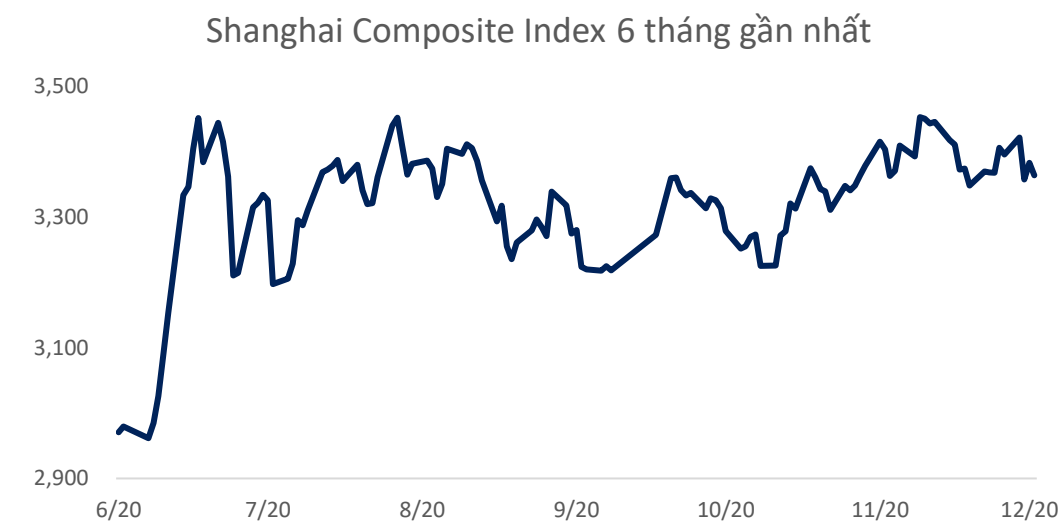
**DAILY** MORNING

EU và Anh đạt thỏa thuận thương  
mại hậu Brexit

|                   | 25/12 | % Sáng<br>25/12 | 24/12    | % Ngày<br>24/12 | % Tuần | % Tháng |
|-------------------|-------|-----------------|----------|-----------------|--------|---------|
| VN INDEX          |       |                 | 1,067.52 | -1.05%          | 1.50%  | 7.21%   |
| S&P 500           |       |                 | 3,703.06 | 0.35%           | -0.52% | 3.51%   |
| S&P500<br>Futures |       |                 | 3,695.00 | 0.37%           | -0.48% | 3.57%   |
| Shanghai          |       |                 | 3,382.32 | -0.57%          | -1.23% | -1.17%  |
| Euro Stoxx        |       |                 | 3,543.28 | 0.11%           | -0.49% | 1.01%   |



Nguồn: Bloomberg, BSC

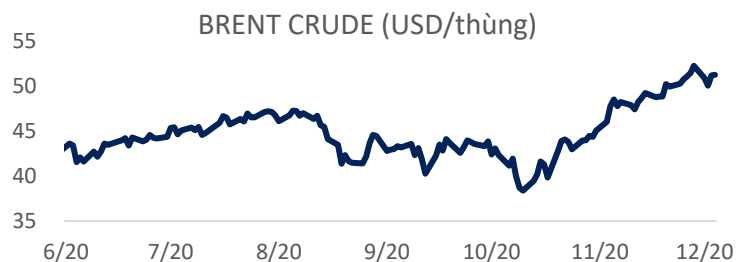


Nguồn: Bloomberg, BSC

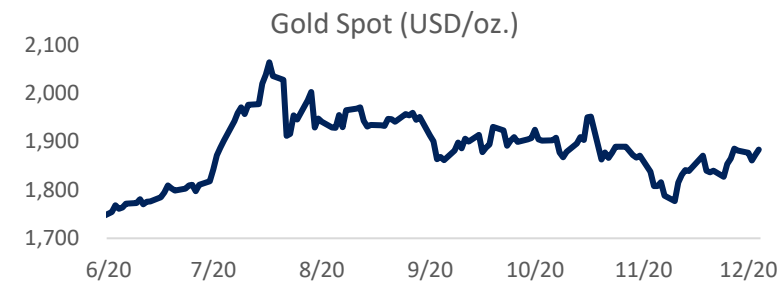
| Tin vĩ mô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | PTKT                |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>EU và Anh đạt thỏa thuận thương mại hậu Brexit, bao gồm: (1) 0% thuế quan, (2) giai đoạn chuyển tiếp kéo dài năm năm rưỡi với hạn ngạch đánh bắt cá, (3) duy trì tính cạnh tranh bình đẳng. Đồng thời, các vấn đề pháp luật, vận tải, pháp lý, dữ liệu cũng được bao gồm trong thỏa thuận trên. Tuy vậy, mảng dịch vụ chưa được bao gồm trong thỏa thuận trên.</li> <li>Trung Quốc tiến hành điều tra chống độc quyền với Tập đoàn Alibaba.</li> </ul> | S&P 500             |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Xu hướng Tăng       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Kháng cự 3700       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Hỗ trợ 3150         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Điểm PTKT TÍCH CỰC  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | SHComp              |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Xu hướng Tích lũy   |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Kháng cự 3500       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Hỗ trợ 3000         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Điểm PTKT TRUNG LẬP |

| Mặt hàng     | Đơn vị   | 24/12    | % 24/12 | 23/12   | % 23/12 | % Tuần | % Tháng | Tích cực           | Tiêu cực           |
|--------------|----------|----------|---------|---------|---------|--------|---------|--------------------|--------------------|
| WTI CRUDE    | USD/bbl. | 48.23    | 0.23%   | 48.12   | 2.34%   | -0.64% | 11.44%  | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| BRENT CRUDE  | USD/bbl. | 423.50   | 0.18%   | 51.20   | 2.24%   | -0.41% | 7.35%   | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| GASOLINE     | USd/gal. | 137.89   | -0.22%  | 138.20  | 3.17%   | -0.66% | 0.15    | HVN, VJC           | PLX, OIL           |
| Gold Spot    | USD/oz.  | 1,883.46 | 0.56%   | 1872.89 | 0.65%   | -0.10% | 4.20%   | PNJ                | PNJ                |
| Silver Spot  | USD/oz.  | 25.83    | 1.13%   | 25.54   | 1.41%   | -0.89% | 11.00%  | PNJ                | PNJ                |
| SOYBEAN      | USd/bu.  | 1,264.50 | 0.36%   | 1260.00 | 0.00%   | 4.89%  | 6.04%   | HKB                | DBC, QNS           |
| WHEAT        | USd/bu.  | 627.00   | -0.44%  | 629.75  | 0.00%   | 3.00%  | 3.72%   | AFX                |                    |
| MILK         | USD/cwt  |          |         | 15.71   | 0.26%   | 0.51%  | 0.32%   | VNM, GTN, QNS      | KDC                |
| RUBBER       | JPY/kg   | 235.80   | 0.17%   | 235.40  | 2.57%   | -4.22% | -0.92%  | DPR, PHR, HAG, HNG | SRC, CSM, DRC      |
| SUGAR        | USd/lb.  |          |         | 14.90   | 0.47%   | 1.50%  | -1.65%  | SBT, LSS, SLS, QNS | VNM, GTN, QNS      |
| COFFEE       | USd/lb.  |          |         | 125.95  | 1.12%   | -0.51% | 7.60%   | CTP, DLG           | VCF, CTP           |
| LME COPPER   | USD/MT   |          |         | 7787.50 | -0.71%  | -1.67% | 6.78%   | CAV, SAM, TGP, VTH | MSN, ACM, BGM      |
| STEEL BAR    | CNY/MT   | 4,306.00 | -0.05%  | 4308.00 | -3.52%  | 0.00%  | 15.12%  | PC1, CTD, HBC      | HSG, HPG, NKG      |
| LME ALUMINUM | USD/MT   |          |         | 2030.00 | 1.20%   | -1.12% | 2.19%   |                    | CAV, SAM, TGP, VTH |
| DCE Iron Ore | CNY/MT   | 1,022.00 | -1.92%  | 1042.00 | 1.51%   | -2.06% | 27.67%  | HSG, HPG           | HSG, HPG           |
| ICE Coal     | USD/MT   |          |         | 84.50   | -0.41%  | 0.54%  | 22.29%  | HT1, BCC, PPC, POW | HLC, NBC, TNT, THT |

Ghi chú: USd = US Cent



Nguồn: Bloomberg, BSC

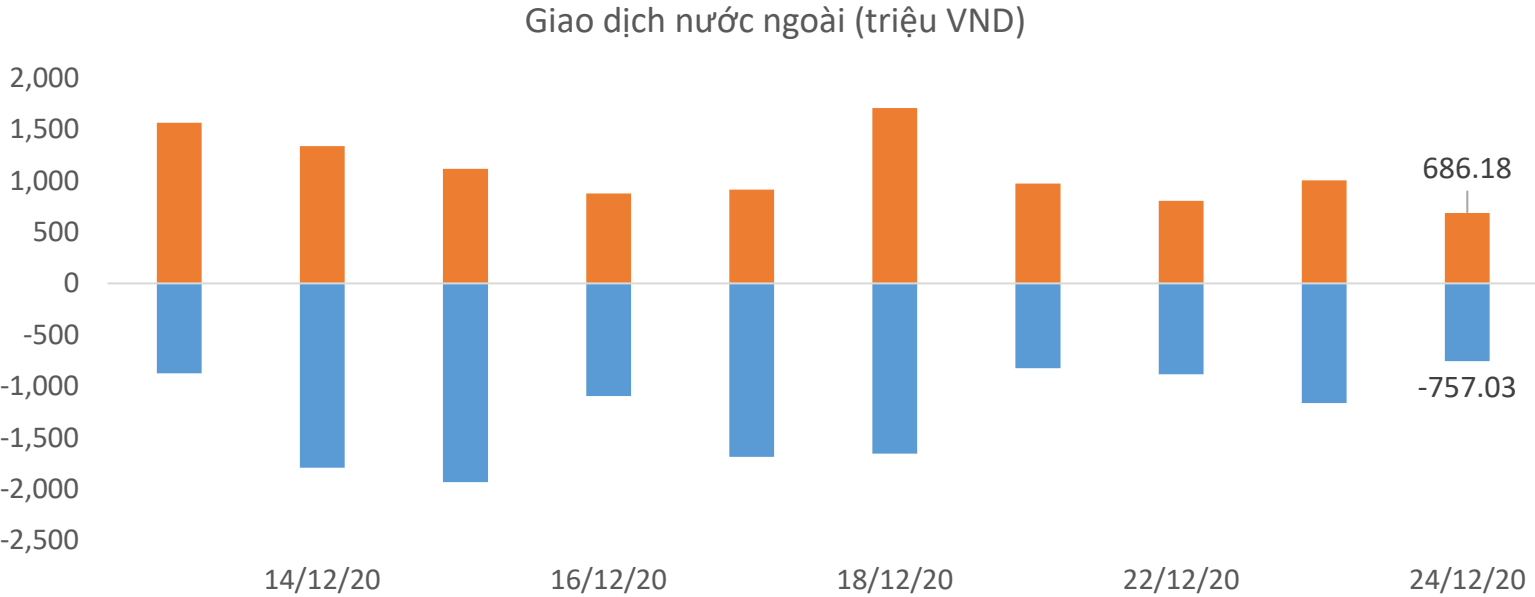


Nguồn: Bloomberg, BSC

# ETF FTSE, Diamond tăng; E1 giảm quy mô

| ETF       | AUM<br>(tr. USD) | NAV/CP<br>(USD) | ± Chứng chỉ<br>quỹ | %     | Dòng vốn ròng (triệu USD) |      |      |      | Nhận định                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----------|------------------|-----------------|--------------------|-------|---------------------------|------|------|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                  |                 |                    |       | 1D                        | 1W   | 1M   | 3M   |                                                                                                                                                                                                                                                               |
| VNM       | 437.0            | 16.7            | 0.00               | -0.1% | 0.0                       | 0.8  | 6.6  | 3.1  | ETF FTSE, và Diamond tăng quy mô tron khi E1 giảm quy mô. Các ETFs khác cân bằng và duy trì quy mô hiện tại.<br>Khối ngoại mua bán trái chiều trong khu vực.<br>Họ mua ròng tại thị trường Indian, Malaysia, Korea, Taiwan và bán tại các thị trường còn lại. |
| FTSE      | 349.6            | 34.5            | 0.1                | 0.5%  | 2.9                       | 24.1 | 57.6 | 59.2 |                                                                                                                                                                                                                                                               |
| iShare    | 414.2            | 28.5            | 0.0                | 0.0   | 0.0                       | 0.0  | 0.0  | 0.0  |                                                                                                                                                                                                                                                               |
| E1VFN30   | 311.8            | 0.7             | 0.3                | 1.1%  | 0.2                       | 3.8  | -0.6 | -3.3 |                                                                                                                                                                                                                                                               |
| FUEVFN30  | 212.5            | 0.7             | 1.3                | 0.7%  | 0.9                       | 9.3  | 84.0 | 85.8 |                                                                                                                                                                                                                                                               |
| FUESSVFL  | 46.4             | 0.6             | 0.0                | 1.5%  | 0.0                       | 3.4  | -0.6 | 3.8  |                                                                                                                                                                                                                                                               |
| FUESSVN30 | 2.7              | 0.6             | 0.00               | 0.7%  | 0.0                       | 0.0  | 0.0  | -0.4 |                                                                                                                                                                                                                                                               |
| FUEMAVN30 | 8.9              | 0.5             | 0.00               | 1.0%  | 0.0                       | 2.1  |      |      |                                                                                                                                                                                                                                                               |
| VN100     | 3.5              | 0.6             | 0.0                | 0.1%  | 0.0                       | 0.0  | 0.1  | -0.1 |                                                                                                                                                                                                                                                               |
| KIM       | 205.9            | 13.2            | 0.0                | -0.2% | 0.0                       | 0.0  | -2.5 | -2.3 |                                                                                                                                                                                                                                                               |
| PREMIA    | 24.9             | 10.7            | -                  | 0.3%  | -                         | -    | 0.6  | 0.6  |                                                                                                                                                                                                                                                               |

| Khối ngoại<br>(tr. USD)                               | Ngày   | Lũy kế từ<br>đầu tuần | Lũy kế từ<br>đầu tháng |
|-------------------------------------------------------|--------|-----------------------|------------------------|
| Việt Nam                                              | -3.80  | -14.57                | -125.39                |
| ASEAN4*                                               | -63.89 | 196.33                | -293.80                |
| Ấn Độ                                                 | 94.76  | 533.93                | 6450.65                |
| Đài Loan                                              | 85.81  | 247.65                | 513.33                 |
| Hàn Quốc                                              | 389.98 | 373.83                | -927.76                |
| Nhật Bản                                              |        | (4,881.90)            | -2940.80               |
| Trung Quốc                                            |        |                       | -16562.35              |
| Ghi chú: * Thailand, Phillipines, Malaysia, Indonesia |        |                       |                        |
| Credit Default Swap                                   |        | MoM %                 |                        |
| Việt Nam                                              |        | -8.50                 |                        |
| Thái Lan                                              |        | -5.81                 |                        |
| Singapore                                             |        | -8.50                 |                        |
| Phillippines                                          |        | -0.59                 |                        |
| Malaysia                                              |        | 0.68                  |                        |



Nguồn: Fiinpro, BSC

## Tin vĩ mô

- Theo đại diện NHNN: (1) đến 18/12, tổng phương tiện thanh toán tăng 12.83% so với cuối năm 2019 và tăng 14.62% so với cùng kỳ 2019, (2) đến 21/12, tín dụng tăng 10.14% so với cuối năm 2019, tăng 11.62% so cùng kỳ 2019, (3) ước tính tín dụng tăng 11% đến hết năm 2020, (4) mục tiêu tín dụng tăng 12% (khả năng mở rộng lên 13-14%) đến hết năm 2021.
- TCTD cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khoảng 270.000 khách hàng bị ảnh hưởng bởi Covid-19 với dư nợ gần 355,000 tỷ đồng, miễn, giảm, hạ lãi suất cho gần 590,000 khách hàng với dư nợ trên 1 triệu tỷ đồng.
- Bộ Tài chính ban hành Thông tư 103/2020/TT-BTC bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực thuế, quản lý tài sản công và quản lý nợ công.

## Thông số kỹ thuật

|          |           |
|----------|-----------|
| Xu hướng | Tăng      |
| Chỉ báo  | Trung lập |
| Kháng cự | 1100      |
| Hỗ trợ   | 1050      |



Nguồn: FireAnt, BSC

- DCM: Năm 2020 tổng doanh thu được điều chỉnh giảm gần 13% về 6.953 tỷ đồng. Tuy nhiên, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế là hơn 479 tỷ đồng, gấp hơn 9 lần kế hoạch cũ. Chính sách cổ tức cho năm nay dự kiến là 6%, tương đương với mức chi cho năm 2019.
- VCP: Kế hoạch kinh doanh năm 2020 được điều chỉnh với doanh thu giảm 32% so với kế hoạch ban đầu, dự kiến còn gần 320 tỷ đồng. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế được điều chỉnh giảm 45% về còn gần 103 tỷ đồng. Bên cạnh đó, VCP cũng điều chỉnh giảm tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2020 từ 30-35% xuống còn 15-20%.
- BCM: Dự kiến góp vốn thành lập Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đông Sài Gòn. Tỷ lệ vốn góp ban đầu tại pháp nhân mới, Becamex sở hữu 30% vốn điều lệ, CTCP Phát triển HTKT Becamex – Bình Phước sở hữu 20% vốn điều lệ; và ông Trương Tấn Bửu sở hữu 50% vốn điều lệ.
- CTG: Thông báo, thay đổi ngày thanh toán cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5% từ ngày 30/12/2021, thay cho thông báo trước đó là từ 21/1/2021.
- NSC: Ngày 11/1/2021 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 2 năm 2019, ngày đăng ký cuối cùng là 12/1. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 25%, thanh toán bắt đầu từ ngày 29/1/2021.
- KOS: Ngày 28/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2019 và thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán, ngày đăng ký cuối cùng là 29/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 5%, tương ứng KOS sẽ phát hành thêm hơn 5,18 triệu cổ phiếu. Quyền mua cổ phiếu theo tỷ lệ 9:5, với giá 10.000 đồng/cổ phiếu, KOS sẽ phát hành chào bán hơn 57,63 triệu cổ phiếu.
- SMA: Ngày 06/1/2021 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2019, ngày đăng ký cuối cùng là 07/1. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 100:7 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 7 mới).
- TCH: Ngày 29/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền tạm ứng cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 30/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 29/1/2021.
- C47: Ngày 05/1/2021 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2019 và cổ phiếu thưởng, ngày đăng ký cuối cùng là 06/1/2021. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 3%, cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 7%.
- QHD: Sẽ chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức năm 2020. Theo đó, cổ tức được trả bằng tiền mặt với tỷ lệ 20%, tương ứng 1 cổ phiếu được nhận 2.000 đồng. Như vậy, với khối lượng chứng khoán đang niêm yết và lưu hành là 5,52 triệu cổ phiếu, Que hàn điện Việt Đức sẽ phải chi khoảng 11,04 tỷ đồng.

*\*Nếu cần tư vấn thêm, vui lòng liên hệ môi giới cá nhân hoặc đại diện Trung tâm tư vấn khách hàng cá nhân i-center: [i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)*

|                                                                     |                                                                                                      |              |      |                                                              |                                                                                                      |              |      |
|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|------|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|------|
| <div>CMG</div> <div>35</div> <div>CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC</div> | <div>Xu hướng hiện tại</div> <div>Tích lũy</div> <div>Khuyến nghị kỹ thuật</div> <div>Khả quan</div> | Kháng cự     | 35.5 | <div>CNG</div> <div>19.85</div> <div>CTCP CNG Việt Nam</div> | <div>Xu hướng hiện tại</div> <div>Tích lũy</div> <div>Khuyến nghị kỹ thuật</div> <div>Khả quan</div> | Kháng cự     | 20   |
|                                                                     |                                                                                                      | Hỗ trợ       | 34.5 |                                                              |                                                                                                      | Hỗ trợ       | 19.5 |
|                                                                     |                                                                                                      | MACD         | ↑    |                                                              |                                                                                                      | MACD         | ↑    |
|                                                                     |                                                                                                      | RSI          | ↔    |                                                              |                                                                                                      | RSI          | ↔    |
|                                                                     |                                                                                                      | Moving Avg   | ↑    |                                                              |                                                                                                      | Moving Avg   | ↑    |
|                                                                     |                                                                                                      | Giá mục tiêu | 38   |                                                              |                                                                                                      | Giá mục tiêu | 21.5 |
|                                                                     |                                                                                                      | Upside       | 9%   |                                                              |                                                                                                      | Upside       | 8%   |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Phân tích chỉ tiêu định giá</b><br>Cổ phiếu có PE hiện tại 17.94 cao hơn trung bình ngành ; thấp hơn trung bình thị trườngPB hiện tại 1.52 cao hơn trung bình ngành ; cao hơn trung bình thị trường. Bên cạnh đó , PE năm trước 20.15 .PE ngành 17.46, PB ngành 0.69. PE thị trường 24.41, PB thị trường 1.07 | <b>Phân tích chỉ tiêu định giá</b><br>Cổ phiếu có PE hiện tại 13.79 thấp hơn trung bình ngành ; thấp hơn trung bình thị trườngPB hiện tại 1.21 thấp hơn trung bình ngành ; cao hơn trung bình thị trường. Bên cạnh đó , PE năm trước 6.34 .PE ngành 24.45, PB ngành 1.34. PE thị trường 24.41, PB thị trường 1.07 |
| <b>Phân tích chỉ tiêu tăng trưởng</b><br>Doanh thu 12 tháng gần nhất là 4864.71 tỷ đồng , tăng trưởng -4.07 %.Lợi nhuận sau thuế 12 tháng gần nhất là 231.62 tỷ đồng , tăng trưởng 21.92 %.                                                                                                                      | <b>Phân tích chỉ tiêu tăng trưởng</b><br>Doanh thu 12 tháng gần nhất là 2165.37 tỷ đồng , tăng trưởng 2.12 %.Lợi nhuận sau thuế 12 tháng gần nhất là 38.76 tỷ đồng , tăng trưởng -58.46 %.Tăng trưởng doanh thu 3 năm đạt 34.37 %.Tăng trưởng lợi nhuận 3 năm đạt -10.25 %.                                       |

Nguồn: FireAnt, BSC i-Broker

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

## BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

## BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



## Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

[hn.ptnc@bsc.com.vn](mailto:hn.ptnc@bsc.com.vn)

(+84) 39352722 - Ext 108

## Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)

(+84)2439264659

## Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

[i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)

(+84)2437173639